

# VỀ KHÁI NIỆM "CÔNG BẰNG XÃ HỘI"

PHẠM XUÂN NAM\*

Theo định nghĩa của *Từ điển bách khoa triết học* (Liên Xô), "khái niệm *công bằng* bao hàm trong nó yêu cầu về sự phù hợp giữa vai trò thực tiễn của cá nhân/nhóm xã hội với địa vị của họ trong đời sống xã hội, giữa quyền và nghĩa vụ của họ, giữa làm và hưởng, giữa lao động và sự trả công, giữa tội phạm và sự trừng phạt, giữa công lao và sự thừa nhận của xã hội. Sự không phù hợp trong những quan hệ đó được xem là bất công"<sup>(1)</sup>.

- Trong các cuốn từ điển tiếng Việt, khái niệm *công bằng* cũng thường được định nghĩa là hợp lẽ phải, không thiên vị<sup>(2)</sup>. Nhưng thế nào là *công bằng xã hội* thì dường như không có một định nghĩa chung nhất nào mà nội hàm của nó có thể thích hợp với mọi chế độ xã hội ở mọi thời đại. Bởi lẽ, *công bằng xã hội* là một khái niệm có tính lịch sử. Tùy thuộc vào trình độ phát triển của xã hội trong các thời đại lịch sử khác nhau, thậm chí tùy thuộc vào lập trường, quan điểm của mỗi cá nhân, mỗi cộng đồng mà người ta có nhận thức khác nhau về công bằng xã hội. Ăngghen viết: "Công lý của người Hy Lạp và người La Mã [Cổ đại] cho rằng chế độ nô lệ là công bằng; công lý của những nhà tư sản năm 1789 đòi hỏi thủ tiêu chế độ phong kiến, vì chế độ ấy không công bằng"<sup>(3)</sup>.

Do đó, muốn hiểu đúng nội hàm của khái niệm *công bằng xã hội*, chúng ta không thể tách rời nó ra khỏi điều kiện lịch sử cụ thể mà nó phản ánh.

---

\* GS. Viện Khoa học Xã hội Việt Nam.

## I. Quan niệm về công bằng xã hội trong lịch sử giai đoạn trước Mác

Trong các thời đại khác nhau của lịch sử xã hội loài người - dù ở phương Đông hay phương Tây - dù đã có biết bao cách hiểu và giải quyết khác nhau về vấn đề công bằng xã hội.

Sống vào thời Xuân Thu ở Trung Quốc, khi xã hội đã phân chia thành các giai cấp đối kháng, khi cuộc đấu tranh giữa tầng lớp trên giàu có và tầng lớp dưới nghèo khổ đã trở thành vấn đề nghiêm trọng, Khổng Tử (551 - 479 trước Công nguyên) lại muốn xoa dịu sự bất công xã hội bằng cách hô hào đạo đức. Ông dạy: "Người nghèo phải biết vui cảnh nghèo, người giàu phải biết chuộng lễ" (*Học nhi*); "Kẻ nghèo không nên oán thán, kẻ giàu không nên kiêu căng" (*Hiến vấn*). Có lúc ông từng mơ ước: "Thiên hạ sẽ thái bình khi thế giới đại đồng. Người ta không sợ thiếu, chỉ sợ có không đều"<sup>(4)</sup>. Nhưng xét về bản chất, học thuyết của Khổng Tử là học thuyết đề cao một chế độ xã hội có tôn ti trật tự theo hình mẫu của nhà Chu, ở đó việc trị nước được vận hành theo nguyên tắc: "*quân quân, thần thần, phụ phụ, tử tử*" (vua ra vua, tôi ra tôi, cha ra cha, con ra con), nghĩa là mỗi người phải làm tròn bổn phận của mình đã được quy định bởi mệnh trời.

Là nhà triết học nổi tiếng từng xây dựng nên hệ thống hoàn chỉnh đầu tiên của chủ nghĩa duy tâm khách quan ở Hy Lạp cổ đại, Platon (427-347 tr. CN) không chỉ tập trung bàn đến mối quan hệ giữa vật thể cảm tính và ý niệm (theo đó, vật thể cảm tính chỉ là cái bóng của ý niệm), mà còn rất quan tâm tới những vấn đề chính trị-xã hội đương thời. Ông cho rằng một chế độ xã hội, mà ở đó giai cấp chủ nô quý tộc giữ địa vị thống trị, giới triết học thông thái đóng vai trò cố vấn, giới quân nhân và dân tự do được hưởng một số quyền dân chủ, còn giai cấp nô lệ là những kẻ phải làm việc đến kiệt sức để cung phụng mọi vật phẩm cho giai cấp thống trị, chính là một "nhà nước lý tưởng", tức là hợp với lẽ công bằng! Theo Platon: "Lẽ công bằng, sự tương ứng với bản chất mỗi người [chủ nô, dân tự do và nô lệ] cũng quyết định chức năng xã hội của cá nhân và phần của cá nhân được hưởng trong những của cải mà xã hội đem lại cho các thành viên của mình"<sup>(5)</sup>.

Trong suốt 1000 năm của đêm dài Trung cổ, những giai cấp thống trị ở các xã hội phong kiến châu Âu đã kết hợp chặt chẽ giữa uy quyền của vua chúa và thần quyền của giáo hội để duy trì ách áp bức bóc lột man rợ cả về vật chất và tinh thần đối với đông đảo nông nô và các tầng lớp thị dân nghèo khổ. Lúc bấy giờ, những nhà tư tưởng đại diện cho quyền lợi của giai cấp thống trị, như Thomas Daquin (1225-1274), đã ra sức chứng minh rằng: Con người do Chúa Trời tạo ra theo "hình ảnh của mình" và sắp xếp theo các đẳng cấp khác nhau. Quyền lực tối cao của nhà vua trong cả nước và quyền lực vô hạn độ của lãnh chúa trong phạm vi điền trang thái ấp của mình được thực hiện theo lệnh của

Chúa Trời. Kể nào chống lại quyền lực đó thì chẳng những bị trừng trị ở kiếp này mà còn bị đẩy xuống địa ngục ở kiếp sau. Nói cách khác, người ta đã công khai biện hộ cho chế độ áp bức, bất công bằng cách truyền bá những tư tưởng duy tâm, tôn giáo, thần học và chủ nghĩa ngu dân.

Những nhận thức đầu tiên về công bằng xã hội chỉ mới manh nha trong tư tưởng một số nhà triết học và nhà hoạt động xã hội thời Phục hưng ở châu Âu thế kỷ XV - XVI. Đó là lúc, những phát minh mới của khoa học tự nhiên mà tiêu biểu là thuyết nhật tâm của Copernick (1475-1543)\*\* đã giáng một đòn mạnh vào thần học và thế giới quan tôn giáo: được xem là "một cuộc cách mạng ở trên trời", báo trước một cuộc cách mạng trong quan hệ xã hội ở dưới trần gian. Trên thực tế nó đã góp phần thúc đẩy các phong trào cải cách tôn giáo của Luther, Munzer, Calvin... đòi thực hiện "sự bình đẳng giữa những người con của Chúa". Các phong trào này lại có quan hệ với nhiều cuộc khởi nghĩa của nông dân và của các tầng lớp thị dân nghèo khổ đòi bãi bỏ chế độ lao dịch, địa tô, thuế khóa và các đặc quyền khác của địa chủ phong kiến và nhà thờ, thực hiện "san bằng tài sản". Có thể xem đây chính là những cuộc đấu tranh cho công bằng xã hội trong chế độ phong kiến nhưng được khoác dưới cái vỏ tôn giáo và những yêu sách mang tính bình quân chủ nghĩa. Nhận thức về công bằng xã hội tiếp tục có bước tiến mới trong học thuyết của các nhà Khai sáng Pháp ở thế kỷ XVIII như Didro, Rousseau, Voltaire, Montesquieu. Mặc dù những nhà tư tưởng này chưa từng sử dụng thuật ngữ công bằng xã hội, song trên thực tế họ đã giương cao ngọn cờ của chủ nghĩa nhân văn thời Phục hưng, kịch liệt lên án và đòi xóa bỏ mọi mê tín và bất công, đặc quyền và áp bức của xã hội phong kiến nhằm dựng lên nhà nước lý tính, xã hội lý tính theo *Khế ước xã hội* của Rousseau, tức nền cộng hòa dân chủ tư sản được xem là hợp với lẽ công bằng của giai cấp tư sản đang lên lúc bấy giờ.

Nhưng khi Cách mạng Pháp 1789 đã thực hiện xã hội lý tính ấy, nhà nước lý tính ấy thì người ta có thể thấy rõ rằng dù chế độ dân chủ tư sản là hợp lý hơn chế độ phong kiến như thế nào đi nữa thì nó cũng hoàn toàn không phải là tuyệt đối hợp với lý tính. Quyền "tự do" sở hữu của mọi người trên thực tế trở thành quyền tự do mất sở hữu của những người sản xuất nhỏ phá sản và biến thành sở hữu lớn của giai cấp tư sản. Sự phát triển nhanh chóng của công nghiệp trên cơ sở tư bản chủ nghĩa đã làm cho sự nghèo khổ của quần chúng lao động trở thành điều kiện sống còn của xã hội. Hòa bình vĩnh cửu mà người ta hứa hẹn đã biến thành các cuộc chiến tranh xâm chiếm thuộc địa không ngừng. Phương châm "bình đẳng", "bác ái" của cách mạng được thực hiện trong sự kình địch do sự cạnh tranh sinh ra. Tiền thay cho lưỡi gươm để làm đòn bẩy chủ yếu của quyền lực xã hội... "Tóm lại, theo nhận xét của Ăng ghen - so với những lời hứa hẹn hoa mỹ của các nhà triết học Pháp thì những chế độ xã hội, chế độ chính trị do "thắng lợi của lý tính" dựng nên chỉ là một bức tranh biếm họa làm cho người ta thất vọng chua cay"<sup>(6)</sup>.

Là nhà kinh tế học cổ điển Anh, sống và hoạt động cùng thời với các nhà Khai sáng Pháp, Smith (1723-1790) lại cho rằng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường tự do, chủ nghĩa tư bản ra đời ở nước Anh sau cuộc cách mạng 1640 có thể hạn chế được những bất công và thực hiện được hài hòa xã hội.

Theo Smith, cùng với sự phân công lao động theo hướng chuyên môn hóa, nền kinh tế thị trường còn đóng vai trò kích thích, thậm chí bắt buộc con người phải phát minh, sáng chế, khuếch trương và mạo hiểm trong công cuộc sản xuất kinh doanh, qua đó không ngừng làm tăng lên sự giàu có của các quốc gia mà sự giàu có này tự nó sẽ chia bớt một số ít của cải cho các tầng lớp dân nghèo. Ông nhấn mạnh: "*Hãy để yên cho thị trường vận hành*". Bởi vì, với sự dẫn dắt của "bàn tay vô hình" (invisible hand), nền kinh tế thị trường tự do sẽ đảm bảo cho xã hội những gì sản xuất ra phù hợp với nhu cầu của mọi thành viên của nó. Sự tác động qua lại giữa những người tự do cạnh tranh trên thị trường, dù với động cơ vị kỷ, cuối cùng cũng sẽ đưa lại kết quả là sự hài hòa xã hội.

Mặc dù có những hạt nhân hợp lý nhất định, song như chính các nhà nghiên cứu lịch sử tư tưởng kinh tế ở phương Tây đã nhận xét: "Niềm tin của Smith vào sự hài hòa tự phát [của xã hội trong nền kinh tế thị trường tự do] đã không hề được thực tế chứng minh"<sup>(7)</sup>. Thực tế là, từ thời Smith đến nay, nền kinh tế thị trường tự do, dù đã qua nhiều lần điều chỉnh, vẫn không giải quyết được những bất công xã hội dưới chủ nghĩa tư bản.

## **II. Quan niệm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về công bằng xã hội**

Không phủ nhận tác động của các yếu tố đạo đức và lý tính đến việc hình thành các quan niệm về công bằng xã hội của những người tiên bối, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin đã chủ yếu phân tích và rút ra nội hàm của khái niệm công bằng xã hội từ nền tảng kinh tế và trình độ phát triển văn hóa của một xã hội mới mà ở đó không còn chế độ người bóc lột người.

Thật vậy, ngay từ đầu những năm 40 của thế kỷ XIX, khi phân tích các quan hệ kinh tế-xã hội dưới chủ nghĩa tư bản, Mác (1818-1883) đã chỉ ra rằng: Chủ nghĩa tư bản một mặt đã có công lớn trong việc thúc đẩy lực lượng sản xuất xã hội tiến lên những bước khổng lồ, tạo điều kiện vật chất cho việc thực hiện một số chính sách tiến bộ và công bằng hơn so với chế độ phong kiến; song mặt khác quan hệ sản xuất dưới chủ nghĩa tư bản lại là nguyên nhân dẫn đến những bất công ghê gớm trong quan hệ giữa chủ tư bản và những người công nhân làm thuê. Trong tác phẩm *Bản thảo kinh tế-triết học 1844*, Mác viết: "Lao động [của người công nhân] sản xuất ra những vật phẩm kỳ diệu cho những người giàu, nhưng chính nó lại sản xuất ra sự bần cùng hóa của công nhân. Nó tạo ra lâu đài, nhưng cũng tạo ra cả những nhà ổ chuột cho công nhân... Nó sản xuất ra trí tuệ, nhưng cũng sản xuất ra cả sự dốt nát, ngu ngốc cho công nhân"<sup>(8)</sup>.

Đến tập I của bộ *Tư bản* đồ sộ (1867), Mác lại chứng minh rằng: Trong xã hội tư bản một xã hội dựa trên quyền chiếm hữu của chủ tư bản đối với giá trị thặng dư trong sản phẩm lao động của người làm thuê, "sự tích lũy của cải ở một cực này đồng thời cũng có nghĩa là tích lũy sự nghèo khổ, sự dốt nát và sự trụy lạc tinh thần ở cực đối lập"<sup>(9)</sup>. Nhưng theo Mác, tình trạng bất công xã hội ấy không thể là vĩnh viễn. Cùng với sự phát triển không ngừng của lực lượng sản xuất, chủ nghĩa tư bản cũng đồng thời tạo ra cả tiền đề vật chất là nền đại công nghiệp lẫn tiền đề xã hội là giai cấp công nhân để xóa bỏ bất công ấy, đưa tới một xã hội tiến bộ và công bằng hơn, dù điều đó có thể phải trải qua một con đường dài, đầy trở ngại và khó khăn như thế nào.

Cái xã hội tiến bộ và công bằng hơn so với xã hội tư bản ấy chính là xã hội cộng sản chủ nghĩa mà giai đoạn đầu hay giai đoạn thấp là chủ nghĩa xã hội.

Theo Mác, Ăngghen, Lênin, dưới chủ nghĩa xã hội, khi mà chế độ sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa và cùng với nó là quyền chiếm hữu những sản phẩm xã hội của tư bản để nô dịch lao động của người khác bị xóa bỏ, khi mà những tư liệu sản xuất thuộc về nhân dân, nền sản xuất xã hội sẽ phát triển mạnh mẽ với lực lượng sản xuất có hàm lượng khoa học - kỹ thuật ngày càng cao, thì tổng sản phẩm xã hội cũng sẽ được phân phối theo một nguyên tắc mới.

Trong tác phẩm *Phê phán cương lĩnh Gôta* (1875), Mác đã chỉ ra rằng: Dưới chủ nghĩa xã hội, sau khi đã khấu trừ đi những phần cần thiết trong tổng sản phẩm xã hội để thay thế những tư liệu sản xuất đã tiêu dùng, thực hiện tái sản xuất mở rộng, lập quỹ dự trữ để phòng mọi tai nạn, cũng như để chi cho quản lý, giáo dục, y tế, nuôi dưỡng những người không có khả năng lao động... thì "mỗi một người sản xuất nhận được trở lại vừa đúng cái mà anh ta đã cung cấp cho xã hội. Cái mà anh ta đã cống hiến cho xã hội là lượng lao động của cá nhân anh ta"<sup>(10)</sup>. Lênin gọi cách thức phân phối như thế là "*phân phối theo lao động*"<sup>(11)</sup>.

Nguyên tắc phân phối ấy là sự thể hiện tập trung của công bằng xã hội dưới chủ nghĩa xã hội so với sự phân phối bất công dưới chủ nghĩa tư bản. Nhưng nó vẫn còn chịu ảnh hưởng của pháp quyền tư sản". Nó chưa thể đạt đến sự bình đẳng hoàn toàn. Bởi lẽ, theo Mác, trong xã hội xã hội chủ nghĩa, tức xã hội vừa lọt lòng ra từ xã hội tư bản chủ nghĩa, thì về thể chất và tinh thần, năng khiếu và năng lực lao động của người này hơn người khác; ngoài ra, người này lập gia đình rồi, người kia chưa, người này có nhiều con hơn người kia, v.v... "Như vậy, với một công việc ngang nhau và do đó, với một phần tham dự như nhau vào quỹ tiêu dùng của xã hội thì trên thực tế, người này vẫn lĩnh nhiều hơn người kia, người này vẫn giàu hơn người kia"<sup>(12)</sup>.

Từ những điều lý giải nêu trên, Mác đã đi tới một luận điểm có ý nghĩa quan trọng: "Quyền không bao giờ có thể ở một mức độ cao hơn chế độ kinh tế và sự phát triển văn hóa của xã hội do chế độ kinh tế đó quyết định"<sup>(13)</sup>.

Vì thế, theo Mác, chỉ đến "giai đoạn cao của xã hội cộng sản chủ nghĩa, khi mà... cùng với sự phát triển toàn diện của các cá nhân, sức sản xuất của họ cũng ngày càng tăng lên và tất cả các nguồn của cải xã hội đều tuôn ra dồi dào, chỉ khi đó người ta mới có thể vượt hẳn ra khỏi giới hạn chật hẹp của pháp quyền tư sản và xã hội mới có thể ghi trên lá cờ của mình: *Làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu*"<sup>(14)</sup>, đó mới là lúc bình đẳng xã hội được thực hiện hoàn toàn và đầy đủ.

Từ những luận điểm nêu trên, ta có thể thấy trong quan niệm của Mác, *công bằng xã hội* và *bình đẳng xã hội* là hai khái niệm vừa có một phần nội hàm trùng hợp nhau vừa có một phần khác biệt nhau.\*\*\*

*Bình đẳng xã hội* là sự ngang bằng nhau giữa người và người trong xã hội không chỉ về phương diện kinh tế mà cả về các phương diện pháp lý chính trị, văn hóa, dù năng lực, vai trò, sự cống hiến của người này khác người kia. Ví dụ: Mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt nam nữ, giàu nghèo, trình độ học vấn, địa vị xã hội...

Còn *công bằng xã hội* là sự ngang bằng nhau giữa người và người trong xã hội không phải về mọi phương diện mà chủ yếu về phương diện phân phối sản phẩm xã hội theo nguyên tắc: cống hiến lao động ngang nhau thì hưởng thụ ngang nhau. Nói như Lênin: "Người nào đã hoàn thành một phần lao động xã hội ngang nhau thì sẽ được lĩnh một phần sản phẩm xã hội ngang nhau (sau khi đã khấu trừ những phần đã nói ở trên)"<sup>(15)</sup>. Đây là một nguyên tắc phân phối rất công bằng dưới chủ nghĩa xã hội, nhưng vì hoàn cảnh cụ thể của mỗi người một khác nên vẫn còn sự chênh lệch về thu nhập, về giàu nghèo, nghĩa là chưa có bình đẳng hoàn toàn. Điều này là không tránh khỏi do trình độ phát triển về kinh tế và văn hóa dưới chủ nghĩa xã hội quy định.

Được thể hiện chủ yếu trong lĩnh vực phân phối sản phẩm lao động, khái niệm *công bằng xã hội* còn được các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin dùng để chỉ sự đánh giá và đối xử tương xứng giữa công và thưởng, tội và phạt, quyền và mọi công dân trong một nước. Không có sự tương xứng trong các quan hệ ấy là bất công.

Nắm vững bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin và vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, ngay từ nửa đầu những năm 20 của thế kỷ XX. Hồ Chí Minh (lúc đó lấy tên là Nguyễn Ái Quốc) đã tập trung vạch trần và kịch liệt lên án toàn bộ các chính sách áp bức, bóc lột vô cùng dã man, độc ác và đầy rẫy bất công của chủ nghĩa tư bản thực dân Pháp ở nước ta, nhưng lại được chúng che đậy dưới cái mặt nạ "khai hóa văn minh" và nhân danh những châm ngôn về "tự do, bình đẳng, bác ái"!

Bằng cách đó, Người đã thức tỉnh, tập hợp, đoàn kết và tổ chức nhân dân ta đứng lên đấu tranh đánh đổ ách thống trị thực dân - phong kiến, giành độc lập cho dân tộc, xây dựng một chế độ xã hội mới - chế độ dân chủ nhân dân tiến dần lên chủ nghĩa xã hội nhằm "làm cho nhân dân lao động thoát nạn bần cùng, làm cho mọi người có công ăn việc làm, được ấm no và sống một đời hạnh phúc"<sup>(16)</sup>.

Đề cập đến nguyên tắc phân phối dưới chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh khẳng định: "Chủ nghĩa xã hội là công bằng hợp lý: làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, không làm thì không hưởng. Những người già yếu hoặc tàn tật sẽ được Nhà nước giúp đỡ chăm nom"<sup>(17)</sup>. Người còn chỉ rõ: Phải tránh chủ nghĩa bình quân trong phân phối, vì "bình quân chủ nghĩa là trái với chủ nghĩa xã hội, thế là không đúng"<sup>(18)</sup>. Đầu năm 1957, khi nói chuyện với cán bộ, công nhân Nhà máy Dệt Nam Định, Người đã sớm nêu lên ý kiến về việc áp dụng chế độ khoán trong sản xuất và cho rằng: "Chế độ khoán là một điều kiện của chủ nghĩa xã hội... Làm khoán là ích chung lại lợi riêng. Công nhân sản xuất ra nhiều vải, cố gắng nhiều được hưởng nhiều; làm khoán tốt thích hợp và công bằng dưới chế độ ta hiện nay"<sup>(19)</sup>.

Rõ ràng, vào thời của mình, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin cũng như Chủ tịch Hồ Chí Minh mới chủ yếu nói về công bằng xã hội thể hiện tập trung ở nguyên tắc phân phối theo lao động trong chủ nghĩa xã hội. Còn về nguyên tắc phân phối trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội - tức thời kỳ nằm ở nấc thang phát triển thấp hơn so với khi chủ nghĩa xã hội sẽ được xây dựng thành công - thì các ông chưa có đủ điều kiện để bàn tới.

Đây chính là điều mà Đảng ta đã dần dần bổ sung cho chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh bằng những kết luận mới rút ra từ trong thực tiễn sinh động của quá trình đổi mới toàn diện đất nước(\*\*\*\*).

---

#### Chú thích

\*\*\*\* Bài đã đăng trên Tạp chí Xã hội học, số 1/2007.

1. Từ điển bách khoa Triết học (tiếng Nga), Nxb Nauka, Mátxcova - 1983, tr. 650.

2. Xem Hoàng Phê (chủ biên): Từ điển tiếng Việt, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội - 1992, tr. 216.

3. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Tập 18, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội - 1995, tr. 379.
  4. Dẫn theo Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. Tập I. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội - 1995. Tr. 35.
  5. Dẫn theo V.P.Vôngkin: *Lược khảo lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa*. Nxb Sự thật, Hà Nội - 1979. Tr. 62.
- \*\* Thuyết nhật tâm (lấy mặt trời làm trung tâm) của Còpécnic đã bác bỏ thuyết địa tâm của Ptolômê (người Hy Lạp thế kỷ II), một giả thuyết sai lầm coi quả đất là trung tâm của hệ mặt trời, được nhà thờ La Mã hết sức đề cao, xem đó là sự sáng tạo của Chúa!
6. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Tập 19, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội - 1995, tr. 281.
  7. Maurice Baslé, Françoise Benhamon, Bernard Havance, Alain Gélédan, Jean Léobal, Alain Lipietz: *Lịch sử tư tưởng kinh tế* (tập 1) *Các nhà sáng lập*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội - 1996, tr. 44.
  8. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Tập 42, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội - 2000. Tr. 131.
  9. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*. Tập 23. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội - 1993. Tr. 909.
  10. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Tập 19, Đã dẫn, tr. 33.
  11. V.I. Lênin: *Toàn tập*, tập 33, Nxb Tiến bộ, Mátxcova - 1976, tr. 115.
  12. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Tập 19, Đã dẫn, tr. 35.
  13. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Tập 19, Đã dẫn, tr. 36.
  14. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Tập 19, Đã dẫn, tr. 35..
- \*\*\* Xem thêm Lê Hữu Tầng: *Đổi mới sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*. Trong cuốn *Đổi mới để phát triển*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội - 2002, tr. 208-209.
15. V.I. Lênin: *Toàn tập*, Tập 33, đã dẫn, tr. 114.
  16. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. Tập 10. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội - 1996. Tr. 17.
  17. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. Tập 9. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội - 1996. Tr.175.
  18. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. Tập 8. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội - 1996. Tr. 386.
  19. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. Tập 8. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội - 1996. Tr. 341.